

TẬP ĐỌC
CHÚ ĐẤT NUNG

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2. Kỹ năng

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm và phân biệt lời người kể với lời nhân vật (chàng kĩ sĩ, ông Hòn Rằm, chú bé Đất).

3. Thái độ

- GD HS tính kiên trì, bền bỉ.

4. Góp phần phát triển năng lực

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

* **KNS:** Xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, thể hiện sự tự tin

II. CHUẨN BỊ:**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động: (5p)</p> <p>- Đọc bài Văn hay chữ tốt</p> <p>+ <i>Vì sao Cao Bá Quát thường bị điểm kém?</i></p> <p>+ <i>Nêu ý nghĩa bài học</i></p> <p>- GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài và chủ điểm Tiếng sáo diều</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét</p> <p>+ <i>Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù có hay thầy vẫn cho điểm kém.</i></p> <p>+ 1 HS nêu ý nghĩa bài học</p>
<p>2. Luyện đọc: (8-10p)</p> <p>* Mục tiêu: Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>- Gọi 1 HS đọc bài (M3)</p> <p>- GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng vui, hồn nhiên. Lời anh</p>	<p>- 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm</p>

chàng kĩ sĩ: kênh kiệu, lời ông Hòn Rằm: vui vẻ, ôn tồn. Lời chú bé Đất: chuyển từ ngạc nhiên sang mạnh dạn, táo bạo một cách đáng yêu.

- GV chốt vị trí các đoạn:

- Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)

- Giải thích về tục nặn tò he bằng bột vào các ngày Tết trung thu xưa.

- Lắng nghe

- Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn

- Bài được chia làm 3 đoạn

+ Đoạn 1: *Tết Trung thu ... đi chăn trâu*

+ Đoạn 2: *Cu Chắt ... lọ thủy tinh.*

+ Đoạn 3: *Còn một mình ... đến hết.*

- Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*kĩ sĩ, mái lầu son, nắp tráp chái bếp đồng rằm,*)

- Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp

- Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)

- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng

- Các nhóm báo cáo kết quả đọc

- 1 HS đọc cả bài (M4)

3. Tìm hiểu bài: (8-10p)

* **Mục tiêu:** HS hiểu: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

* **Cách tiến hành:** *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*

- GV phát phiếu học tập cho các nhóm

+ *Cu Chắt có những đồ chơi nào?*

+ *Những đồ chơi của cu Chắt có gì khác nhau?*

- *Những đồ chơi của cu Chắt rất khác nhau: một bên là kĩ sĩ bảnh bao, hào hoa cưỡi ngựa tía, dây vàng với nàng công chúa xinh đẹp ngồi trong lầu son với một bên là một chú bé bằng đất sét mộc mạc giống hình người. Nhưng mỗi đồ chơi của chú đều có câu chuyện riêng đây.*

- HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT

+ *Cu Chắt có các đồ chơi: một chàng kĩ sĩ cưỡi ngựa rất bảnh, một nàng công chúa ngồi trong lầu son, một chú bé bằng đất.*

+ *Chàng kĩ sĩ, nàng công chúa xinh đẹp là những món quà em được tặng trong dịp tết Trung thu. Các đồ chơi này được nặn từ bột, màu rất sặc sỡ và đẹp còn chú bé Đất là đồ chơi em tự nặn bằng đất sét khi đi chăn trâu.*

- Lắng nghe.

+ Đoạn 1 cho em biết điều gì?
+ *Cu Chắt để đồ chơi của mình vào đâu?*
+ *Những đồ chơi của cu Chắt làm quen với nhau như thế nào?*

+ Ý chính của đoạn 2?

+ Vì sao chú bé Đất lại ra đi?

+ Chú bé Đất đi đâu và gặp chuyện gì?

+ Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung?

- Chúng ta thấy sự thay đổi thái độ của cu Đất. Lúc đầu chú sợ nóng rồi ngạc nhiên không tin rằng Đất có thể nung trong lửa. Cuối cùng chú hết sợ, vui vẻ, tự nguyện xin được nung. Điều đó khẳng định rằng: Chú bé Đất muốn được xông pha, muốn trở thành người có ích.

+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho điều gì?

- Ông cha ta thường nói: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, con người được tôi luyện trong gian nan, thử thách sẽ càng can đảm, mạnh mẽ và cứng rắn hơn. Cu Đất cũng vậy, biết đâu sau này chú ta sẽ làm được những việc có ích cho cuộc sống.

+ Đoạn cuối bài nói lên điều gì?

- Hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện.

*** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.**

- Giới thiệu các đồ chơi của cu Chắt.

+ *Cu Chắt cất đồ chơi vào nắp cái tráp hồng*

+ *Họ làm quen với nhau nhưng cu Đất đã làm bản quần áo đẹp của chàng kị sĩ và nàng công chúa nên cậu ta bị cu Chắt không cho chơi với nhau nữa.*

- Cuộc làm quen giữa cu Đất và hai người bột

+ *Vì chơi một mình chú cảm thấy buồn và nhớ quê.*

+ *Chú bé Đất đi ra cánh đồng. Mới đến chái bếp, gặp trời mưa, chú ngấm nước và bị rét, chú bèn chui vào bếp sưởi ấm. Lúc đầu thấy khoan khoái, lúc sau thấy nóng rát cả chân tay khiến chú ta lùi lại. Rồi chú gặp ông Hòn Rằm*

+ *Vì chú sợ ông Hòn Rằm chê chú là nhát / Vì chú muốn được xông pha, làm nhiều việc có ích.*

- Lắng nghe

+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho: Gian khổ và thử thách, con người vượt qua để trở nên cứng rắn và hữu ích.

- Kể lại việc chú bé Đất quyết định trở thành đất nung.

Ý nghĩa: Câu chuyện ca ngợi chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khỏe mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ.

- HS ghi lại nội dung bài

4. Luyện đọc diễn cảm (8-10p)

* **Mục tiêu:** HS đọc diễn cảm và phân vai đoạn số 3 của bài

* **Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp**

- Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.

- Yêu cầu đọc phân vai đoạn 3, lưu ý phân biệt lời các nhân vật.

- GV nhận xét, đánh giá chung

5. Hoạt động ứng dụng (1 phút)

+ Em học được điều gì qua hình ảnh chú bé Đất Nung?

- Liên hệ giáo dục: kiên trì, bền bỉ trải qua thử thách để học được những bài học hay

6. Hoạt động sáng tạo (1 phút)

- HS nêu lại giọng đọc cả bài

- 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài

- Nhóm trưởng điều hành:

+ Phân vai trong nhóm

+ Luyện đọc theo nhóm

- Vài nhóm thi đọc trước lớp.

- Bình chọn nhóm đọc hay.

- HS nêu

- Tìm đọc toàn bộ câu chuyện Chú Đất Nung của nhà văn Nguyễn Kiên

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 61: CHIA MỘT TỔNG CHO MỘT SỐ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết chia một tổng cho một số.

2. Kỹ năng

- Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực.

4. Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (5p) - GV giới thiệu vào bài	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hình thành kiến thức: (15p) * Mục tiêu: Biết cách chia một tổng cho một số * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp	
* So sánh giá trị của biểu thức - Ghi lên bảng hai biểu thức: $(35 + 21) : 7$ và $35 : 7 + 21 : 7$ - Yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức trên + <i>Giá trị của hai biểu thức $(35 + 21) : 7$ và $35 : 7 + 21 : 7$ như thế nào so với nhau?</i> - Vậy ta có thể viết: $(35 + 21) : 7 = 35 : 7 + 21 : 7$ *Rút ra kết luận về một tổng chia cho một số + <i>BT $(35 + 21) : 7$ có dạng thế nào?</i> + <i>Hãy nhận xét về dạng của biểu thức.</i> $35 : 7 + 21 : 7$? + <i>Nêu từng thương trong biểu thức này.</i> + <i>35 và 21 là gì trong biểu thức $(35 + 21) : 7$</i> + <i>Còn 7 là gì trong biểu thức $(35 + 21) : 7$?</i> + <i>Qua hai biểu thức trên, em hãy rút ra công thức tính và qui tắc?</i>	- HS đọc biểu thức - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp $(35 + 21) : 7$ và $35 : 7 + 21 : 7$ $= 56 : 7 = 8$ $= 5 + 3 = 8$ + <i>Bằng nhau. (đều bằng 8)</i> - HS đọc biểu thức. + <i>Có dạng là một tổng chia cho một số.</i> + <i>Biểu thức là tổng của hai thương</i> + <i>Thương thứ nhất là 35 : 7, thương thứ hai là 21 : 7</i> + <i>Là các số hạng của tổng $(35 + 21)$.</i> + <i>7 là số chia.</i> Công thức: $(a + b) : c = a : c + b : c$ - HS nghe GV nêu tính chất và sau đó nêu lại. - HS lấy VD về cách thực hiện chia 1 tổng cho 1 số.
3. HĐ thực hành (18p) * Mục tiêu: Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực	

hành tính.

*** Cách tiến hành**

Bài 1a:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV chốt đáp án.

- Cùng cố tính chất chia một tổng cho một số.

Bài 1b

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV chốt đáp án.

Bài 2: Tính bằng hai cách (theo mẫu)

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.

- GV chốt đáp án, cùng cố tính chất chia một hiệu cho một số.

Bài 3: (Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

5. Hoạt động sáng tạo (1p)

- Thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 - chia sẻ lớp

Đ/a:

$$\begin{array}{ll} (15 + 35) : 5 & (80 + 40) : 4 \\ = 50 : 5 = 10 & = 120 : 4 = 30 \\ (15 + 35) : 5 & (80 + 40) : 4 \\ = 15 : 5 + 35 : 5 & = 80 : 4 + 40 : 4 \\ = 3 + 7 = 10 & = 20 + 10 = 30 \end{array}$$

Đ/a:

$$\begin{array}{ll} 18 : 6 + 24 : 6 & 60 : 3 + 9 : 3 \\ = 3 + 4 = 7 & = 20 + 3 = 23 \\ 18 : 6 + 24 : 6 & 60 : 3 + 9 : 3 \\ = (18 + 24) : 6 & = (60 + 9) : 3 \\ = 42 : 6 = 7 & = 69 : 3 = 23 \end{array}$$

- Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Đ/a:

$$\begin{array}{ll} \text{a. } (27 - 18) : 3 & \text{b. } (64 - 32) : 8 \\ = 9 : 3 = 3 & = 32 : 8 = 4 \\ (27 - 18) : 3 & (64 - 32) : 8 \\ = 27 : 3 - 18 : 3 & = 64 : 8 - 32 : 8 \\ = 9 - 6 = 3 & = 8 - 4 = 4 \end{array}$$

- HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp

Bài giải

Lớp 4A chia được số nhóm là:

$$32 : 4 = 8 \text{ (nhóm)}$$

Lớp 4B chia được số nhóm là:

$$28 : 4 = 7 \text{ (nhóm)}$$

Tất cả có số nhóm là:

$$8 + 7 = 15 \text{ (nhóm)}$$

Đ/s: 15 nhóm

- Ghi nhớ cách chia một tổng cho một số

- Giải BT 3 bằng cách khác

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....
.....

KHOA HỌC (VNEN)
NGUỒN NƯỚC QUANH TA SẠCH HAY Ô NHIỄM?
CẦN LÀM GÌ ĐỂ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC? (T3)

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)
MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được một số cách làm sạch nước: lọc, khử trùng, đun sôi,...
- Nắm được quy trình sản xuất nước sạch

2. Kỹ năng

- Thực hành lọc nước

3. Thái độ

- Biết sử dụng nước sạch, đun sôi nước để đảm bảo an toàn cho sức khỏe

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

* ***BVMT:** Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Các hình minh họa trang 56, 57 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).
- HS chuẩn bị theo nhóm các dụng cụ thực hành: Nước đục, hai chai nhựa trong giống nhau, giấy lọc, cát, than bột.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của của học sinh
1, Khởi động (4p) + <i>Nêu những nguyên nhân nào làm ô</i>	- HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT + <i>Do xả rác, phân nước thải bừa</i>

<p><i>nhiễm nước?</i> + Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với sức khỏe của con người?</p> <p>- GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới.</p>	<p><i>bãi...</i> + Là nơi vi sinh vật sinh sống, phát triển và lan truyền các loại như dịch tả,...</p>
<p>2. Bài mới: (30p) * Mục tiêu: Biết một số cách làm sạch nước. Thực hiện lọc nước mức độ đơn giản. Nắm được quy trình sản xuất nước sạch * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp</p>	
<p>HĐ1: Tìm hiểu một số cách làm sạch nước: 1) <i>Gia đình hoặc địa phương em đã sử dụng những cách nào để làm sạch nước?</i></p> <p>+ Những cách làm như vậy đem lại hiệu quả như thế nào? * Kết luận: Thông thường người ta làm sạch nước bằng 3 cách sau: Lọc nước, khử trùng nước, đun sôi nước. Tác dụng của việc lọc nước: Tách các chất không bị hoà tan ra khỏi nước. + Để diệt vi khuẩn người ta có thể pha vào nước những chất khử trùng như nước gia- ven. Tuy nhiên, chất này thường làm cho nước có mùi hắc. + Đun nước cho tới khi sôi, để thêm 10 phút, phần lớn vi khuẩn chết hết. Nước bốc hơi mạnh, mùi thuốc khử trùng cũng hết.</p> <p>HĐ2: Thực hành lọc nước: - GV tổ chức cho HS thực hành lọc nước đơn giản với các dụng cụ đã chuẩn bị theo nhóm</p> <p>+ Em có nhận xét gì về nước trước và sau khi lọc?</p> <p>+ Nước sau khi lọc đã uống được chưa? Vì sao?</p>	<p style="text-align: center;">Cá nhân- Lớp</p> <p>**Những cách làm sạch nước là: + Dùng bể đựng cát, sỏi để lọc. Dùng bình lọc nước. Dùng bông lót ở phễu để lọc. Dùng nước vôi trong. Dùng phèn chua. Dùng than củi. Đun sôi nước.</p> <p>+ Làm cho nước trong hơn, loại bỏ một số vi khuẩn gây bệnh cho con người.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p style="text-align: center;">Nhóm 4 - Lớp</p> <p>- HS đọc nội dung SGK - HS thực hành theo hướng dẫn SGK. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. + Nước trước khi lọc có màu đục, có nhiều tạp chất như đất, cát,.. Nước sau khi lọc trong suốt, không có tạp chất. + Chưa uống được vì nước đó chỉ sạch các tạp chất, vẫn còn các vi</p>

+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần có những gì?

+ Than bột có tác dụng gì?

+ Vây cát hay sỏi có tác dụng gì?

**** Đó là cách lọc nước đơn giản. Nước tuy sạch nhưng chưa loại các vi khuẩn, các chất sắt và các chất độc khác. Cô sẽ giới thiệu cho cả lớp mình dây chuyền sản xuất nước sạch của nhà máy. Nước này đảm bảo là đã diệt hết các vi khuẩn và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.**

HD3: Tìm hiểu qui trình sản xuất nước sạch:

- GV vừa giảng bài vừa chỉ vào hình minh hoạ 2: Nước được lấy từ nguồn như nước giếng, nước sông, ... đưa vào trạm bơm đợt một. Sau đó chảy qua dàn khử sắt, bể lắng để loại chất sắt và những chất không hoà tan trong nước. Tiếp tục qua bể lọc để loại các chất không tan trong nước. Rồi qua bể sát trùng và được dồn vào bể chứa. Sau đó nước chảy vào trạm bơm đợt hai để chảy về nơi cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt.

*** Kết luận: Nước được sản xuất từ các nhà máy đảm bảo được 3 tiêu chuẩn: Khử sắt, loại bỏ các chất không tan trong nước và sát trùng.**

HD4: Sự cần thiết phải đun sôi nước trước khi uống.

+ Nước đã làm sạch bằng cách lọc đơn giản hay do nhà máy sản xuất đã uống ngay được chưa? Vì sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống?

+ Để thực hiện vệ sinh khi dùng nước các em cần làm gì?

khuẩn khác mà bằng mắt thường ta không nhìn thấy được.

+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần phải có than bột, cát hay sỏi.

+ Than bột có tác dụng khử mùi và màu của nước.

+ Cát hay sỏi có tác dụng loại bỏ các chất không tan trong nước.

- HS lắng nghe.

Nhóm 2 – Lớp

- HS quan sát tranh SGK, nêu quy trình sản xuất nước sạch

- HS quan sát, lắng nghe.

Cá nhân – Lớp

+ Điều không uống ngay được. Chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống để diệt hết các vi khuẩn nhỏ sống trong nước và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.

+ Chúng ta cần giữ vệ sinh nguồn nước chung và nguồn nước tại gia

<p>3. HĐ ứng dụng (1p) + Nêu cách cách để bảo vệ nguồn nước?</p> <p>4. HĐ sáng tạo (1p)</p>	<p><i>đình mình. Không để nước bẩn lẫn nước sạch.</i></p> <p>- HS nêu</p> <p>- Tìm hiểu về cách lọc nước giếng khoan ở một số hộ gia đình.</p>
---	--

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 4 tháng 12 năm 2018

KĨ NĂNG SỐNG
RÈN LUYỆN KĨ NĂNG KỂ CHUYỆN

CHÍNH TẢ
CHIẾC ÁO BÚP BÊ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn
- Làm đúng BT2a, BT3a phân biệt s/x

2. Kĩ năng:

- Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

3. Thái độ:

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

4. Góp phần phát triển năng lực:

- NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.
- HS: Vở, bút,...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (2p)	- TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp

- GV dẫn vào bài mới	với vận động tại chỗ
2. Chuẩn bị viết chính tả: (6p) * Mục tiêu: HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn. * Cách tiến hành:	
a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết + <i>Bạn nhỏ đã khâu cho búp bê một chiếc áo đẹp như thế nào?</i> - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.	- 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm + <i>Bạn nhỏ khâu cho búp bê một chiếc áo rất đẹp, cổ cao, tà loe, mép áo viền vải xanh, khuy bấm như hạt cườm.</i> - HS nêu từ khó viết: <i>phong phanh, xa tanh, loe ra, hạt cườm, đính dọc, nẹp áo</i> - Viết từ khó vào vở nháp
3. Viết bài chính tả: (15p) * Mục tiêu: Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn. * Cách tiến hành:	
- GV đọc bài cho HS viết - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết.	- HS nghe - viết bài vào vở
4. Đánh giá và nhận xét bài: (5p) * Mục tiêu: Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai * Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi	
- Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo. - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài viết của HS	- Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau - Lắng nghe.
5. Làm bài tập chính tả: (5p) * Mục tiêu: Giúp HS phân biệt được s/x * Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp	
Bài 2a: Điền vào ô trống Bài 3a - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Tiếp sức giữa 3 tổ	- HS làm cá nhân – chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp <u>Đáp án:</u> <i>xinh, xóm, xít, xanh, sao, sủng, sờ, sưng, sợ</i> - Tham gia chơi dưới sự điều hành của GV <u>Đáp án:</u>